

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2017/HNGĐ - ST

Ngày: 27/9/2017

V/v Ly hôn và nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Trí

2. Ông Lê Đức Thuận

Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Thảo - Kiểm sát viên

Ngày 27/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2017/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2017 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2017/QĐXXST - DS ngày 31/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15/9/2017, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Vũ Thị H, sinh năm 1982 (có mặt)

ĐKNKTT: Số nhà X, đường T, phường N, thành phố T

Tạm trú: Tiểu khu M, thị trấn N, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi làm việc: Trung tâm Văn hóa - Thể dục thể thao huyện C

- ***Bị đơn:*** Anh Trương Công C, sinh năm 1979 (vắng mặt)

ĐKNKTT: Số nhà X, đường T, phường N, thành phố T

Nơi làm việc: Trung tâm Nam viễn thông thành phố T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- ***Tại đơn khởi kiện nộp ngày 31/3/2017 và quá tình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày:***

Về hôn nhân: Chị H và anh C xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý. Tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

thị trấn N ngày 06/6/2008. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 2 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C cờ bạc, lười biếng, cá độ bóng đá bị vỡ nợ. Đã nhiều lần anh C lấy xe của chị và bạn bè đi cầm cố, nhiều lần chị phải đi ký giấy vay nợ cho anh C. Bố, mẹ anh C phải đi trả nợ thay cho anh. Mỗi lần bị như vậy anh lại phải đi trốn vài tháng, khi nào gia đình trả xong anh lại trở về. Chị và gia đình đã khuyên nhủ nhưng không được. Anh không còn tình cảm và trách nhiệm với vợ con. Từ tháng 8/2016 anh lại quan hệ với nhiều người phụ nữ khác. Vì không muốn mất gia đình nên chị đã quyết định mang thai cháu thứ 2 xem anh C có thay đổi hay không, nhưng do anh C không muốn chị sinh cháu thứ 2 nên từ khi chị mang thai, anh C không về với vợ con, không một lời thăm hỏi. Chị đã phải chịu đựng thời gian dài. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý từ cuối tháng 12/2016. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn nên xin được ly hôn anh C. Khi làm đơn xin ly hôn chị và anh C đã thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Nông Công giải quyết, nay anh C lại có ý kiến đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa giải quyết thực chất là gây khó khăn cho chị. Vì vậy, chị không đồng ý mà vẫn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nông Công tiếp tục giải quyết vụ án.

Về con chung: Chị và anh C có 2 con chung là Trương Công A, sinh ngày 19/9/2008 và Trương Vũ Tuệ L, sinh ngày 13/8/2017 đều khỏe mạnh, phát triển bình thường, hiện đang ở với chị. Nguyên vọng của chị xin được nuôi 2 con. Trước khi làm đơn ly hôn chị và anh C có thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi con mỗi quý 15.000.000đ/2 con. Nay chị chỉ yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi 2 con mỗi tháng 3.000.000đ (mỗi con 1.500.000đ/tháng) kể từ tháng 9/2017 đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngày 19/5/2017 Tòa án nhân dân huyện Nông Công ủy thác cho Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, đến ngày 16 tháng 8 năm 2017 anh Trương Công C khai tại Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa như sau:

Về thời điểm kết hôn anh trình bày phù hợp với ý kiến của chị H. Thời điểm và nguyên nhân mâu thuẫn anh trình bày như sau: Năm 2012 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm, cách sống của 2 người khác nhau dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ đầu năm 2017 đến nay. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý từ đó. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh không đồng ý vì hiện chị H đang mang thai chuẩn bị đến ngày sinh. Nguyên vọng của anh sau khi sinh cháu thứ hai tròn 1 tuổi anh sẽ giải quyết sau. Hiện anh đang công tác tại Trung tâm viễn thông Nam thành phố T có mức thu nhập 5.000.000đ/tháng. Anh đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa giải quyết vụ án.

Về con chung, tài sản và công nợ: Anh C không trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Đối với đương sự chị H thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72. Đối với anh C không chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh C vắng mặt; vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh theo khoản 3 Điều 228 BLTTDS. Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu chị H được ly hôn anh C; giao 2 con cho chị nuôi dưỡng, buộc anh C cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/1 con/1 tháng.

Chị H chịu án phí ly hôn, anh C chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh C và chị H có đơn thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết vụ án. Tòa án nhân dân huyện Nông Cống thụ lý là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Quá trình giải quyết, ngày 05/4/2017 Tòa án đã gửi qua bưu điện Thông báo thụ lý cho anh C. Ngày 11/4/2017 Tòa án báo anh C đến làm việc và trực tiếp giao Thông báo thụ lý vụ án cho anh C. Anh C đã nhận thông báo thụ lý nhưng anh không nộp văn bản nêu ý kiến của mình trong thời hạn luật quy định. Cho đến ngày 16/8/2017 anh C mới nộp bản tự khai trong đó có ý kiến yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa giải quyết nhưng chị H không đồng ý yêu cầu của anh C mà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh C. Quá trình giải quyết nhiều lần anh không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đến phiên tòa nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh C theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị H và anh Trương Công C có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, lối sống của 2 người khác nhau, anh C chơi lô đề, cá độ bóng đá ảnh hưởng lớn đến kinh tế gia đình. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý cũng từ khi chị mang thai cháu thứ 2. Về tình cảm vợ chồng, thời kỳ người vợ mang thai rất cần sự quan tâm chăm sóc của người chồng nhưng anh C bỏ mặc chị. Thực tế chị sinh cháu thứ 2 ngày 13/8/2017 nhưng ngày 16/8/2017 anh C viết bản tự khai vẫn chưa biết vợ đã sinh. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh C mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình

hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Nay chị H xin được ly hôn, về phía anh C không đồng ý. HĐXX xét thấy việc anh C không đồng ý ly hôn lý do đơn giản là vợ đang mang thai nhưng Luật Hôn nhân và gia đình không hạn chế quyền yêu cầu ly hôn của người vợ khi đang mang thai. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- **Về con:** Xác định chị H và anh C có 2 con chung là Trương Công A, sinh ngày 19/9/2008 và Trương Vũ Tuệ L, sinh ngày 13/8/2017. Các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường, hiện đang ở với chị. Ly hôn chị H xin được nuôi 2 con, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi 2 con mỗi tháng 3.000.000đ kể từ tháng 9/2017 đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Về phía anh C không có ý kiến về con nhưng anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án thể hiện vợ chồng có 1 con chung và chị H đang mang thai cháu thứ 2. Tại phiên tòa, chị H xuất trình bản thỏa thuận đề ngày 20/3/2017, nội dung anh C và chị H thỏa thuận chị H trực tiếp nuôi 2 con, anh C cấp dưỡng nuôi 2 con mỗi quý 15.000.000đ. HĐXX xét thấy khi giao nuôi con cần phải xem xét đến điều kiện hoàn cảnh của mỗi bên, nguyện vọng của con trên 7 tuổi. Chị H có việc làm và thu nhập ổn định. Theo giấy xác nhận thu nhập cơ quan chị H cung cấp thì mức thu nhập của chị H là 8.000.000đ/tháng. Công việc của anh C thường phải đi xa, ít có thời gian trực tiếp chăm sóc con. Theo xác nhận của Trung tâm viễn thông Nam thành phố Thanh Hóa nơi anh C công tác thì mức lương ứng 3 tháng (từ tháng 5 đến tháng 7 năm 2017) tổng là 16.000.000đ. Như vậy, bình quân mỗi tháng 5.300.000đ là thấp hơn lương chị H. Cháu A được chị H nuôi từ khi vợ chồng ly thân và cháu có ý kiến xin được ở với mẹ. Cháu L dưới 36 tháng tuổi, về nguyên tắc giao người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, cần giao 2 con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng, tại phiên tòa chị yêu cầu anh C cấp dưỡng hằng tháng 3.000.000đ/2 cháu (mỗi cháu 1.500.000đ/tháng) kể từ tháng 9/2017 là phù hợp với thu nhập và điều kiện của 2 bên nên chấp nhận.

- **Về tài sản và nợ chung:** Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh C không có kiến gì nên HĐXX không xét.

[3] Về án phí: Chị Vũ Thị H khởi kiện vụ án xin ly hôn nên chị phải nộp tiền án phí ly hôn. Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: 56, 57, 81, 82, 83, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày

20/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án; Danh mục mức án phí lệ phí, tòa án ban hành kèm theo nghị quyết:

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, chị Vũ Thị H được ly hôn anh Trương Công C

Về con chung: Giao chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trương Công A, sinh ngày 19/9/2008 và cháu Trương Vũ Tuệ L, sinh ngày 13/8/2017. Buộc anh C cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng)/ 1con kể từ tháng 9/2017 đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Anh C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Vũ Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2015/0006351 ngày 03/4/2017; chấp nhận chị H đã nộp đủ. Anh C phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Chị H được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh C được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKS huyện Nông Cống;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND. thị trấn N;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Huệ